

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/5/2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đức Minh

2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1991;

ĐKHKT: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: **Anh Đỗ Văn T**, sinh năm 1981;

ĐKHKT: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đỗ Văn T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73 ngày 30/10/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh T và có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc đến

năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình tính vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mối quan hệ giữa bố mẹ chồng – nàng dâu cũng xảy ra nhiều bất hòa. Năm 2019, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đồng thời cắt đứt mọi liên lạc với chị N, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng chị cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N xét thấy không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Chị N và anh Đỗ Văn T có hai con chung là Đỗ Thị Thu O, sinh ngày 17/07/2008 và Đỗ Mạnh D, sinh ngày 18/11/2011. Hiện hai con đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh T. Ly hôn, chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh Đỗ Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn T không có văn bản trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án. Tại biên bản làm việc ngày 04/4/2024, ông Đỗ Văn T1 và bà Bùi Thị T2 (Bố mẹ đẻ của anh Đỗ Văn T) cung cấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh T và chị N chung sống cùng với ông bà. Đến năm 2019, giữa anh T, chị N phát sinh mâu thuẫn, cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì ông bà không nắm được, chỉ thấy chị N tự ý bỏ nhà đi, vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay. Sau đó, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến nay chưa về nước, địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan thì ông bà không được biết. Anh T vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với ông bà. Gia đình ông bà đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án gửi cho anh T, ông bà cũng đã thông báo lại nội dung văn bản của Tòa án cho anh T được biết. Anh T có trao đổi lại là chị N có đơn xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn chị N. Tuy nhiên, công việc của anh rất bận mải nên không thể về Việt Nam để đến Tòa án làm việc được. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Ông T1 và bà T2 đồng ý nhận các văn bản của Tòa án thay anh T và cam đoan sẽ thông báo nội dung văn bản cho anh T được biết.

+ Về con chung: Anh T và chị N có hai con chung là Đỗ Thị Thu O, sinh ngày 17/07/2008 và Đỗ Mạnh D, sinh ngày 18/11/2011. Hiện hai cháu đang ở với ông bà nội. Do anh T đang ở nước ngoài, chị N bỏ nhà đi không có trách nhiệm với con nên ông T1, bà T2 đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng. Đây cũng là nguyện vọng của anh T và hai cháu. Ông bà sẽ hỗ trợ anh T nuôi con trong thời gian anh T không ở nhà. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con chung.

+ Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị N không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 04/4/2024, Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình cung cấp:

Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T đều đăng ký hộ khẩu thường trú, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 30/10/2008. Sau khi kết hôn, anh chị có chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T. Quá trình chung sống, giữa anh T, chị N có phát sinh mâu thuẫn nhưng cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì chính quyền địa phương không biết rõ. Đến năm 2019, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, còn chị N cũng bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống tại thành phố T. Anh T, chị N sống ly thân từ đó đến nay. Anh T và chị N có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thu O, sinh ngày 17/07/2008 và cháu Đỗ Mạnh D, sinh ngày 18/11/2011. Hiện hai cháu đang ở với ông bà nội. Anh T và chị N có tài sản chung và nợ chung không thì chính quyền địa phương không rõ. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh T, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật và quyền lợi của con chung để giải quyết về ly hôn và con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T, giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng cho con chung và tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là anh Đỗ Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Tại Công văn số 105/PA08 ngày 23/02/2024 của Phòng Q, Công an tỉnh T xác nhận anh Đỗ Văn T đã xuất cảnh ra nước ngoài, chưa nhập cảnh về Việt Nam. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản hợp pháp thể hiện quan điểm về những nội dung tranh chấp trong vụ án đến Tòa án. Chị N, gia đình anh T không biết địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã tiến hành lấy lời khai của ông Đỗ Văn T1 và bà Bùi Thị T2 (Bố mẹ đẻ của anh T) và tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa theo quy định Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị N và lời trình bày của ông T1 và bà T2 (Bố mẹ đẻ của anh T) đều thể hiện hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Khi chị N xin ly hôn, anh T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày quan điểm, không có biện pháp để đoàn tụ thể hiện cả hai không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân nữa. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị N ly hôn anh T là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T có hai con chung là Đỗ Thị Thu O, sinh ngày 17/07/2008 và Đỗ Mạnh D, sinh ngày 18/11/2011. Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung. Ông T1 và bà T2 trình bày anh T có nguyện vọng nuôi hai con chung và ủy quyền cho ông bà nuôi dưỡng con trong thời gian anh T lao động ở nước ngoài. Tuy nhiên, anh T không có văn bản trình bày nguyện vọng, không có văn bản ủy quyền quyền nuôi con chung cho bố mẹ anh. Xét thấy, chị N hiện đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị N tại thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chị N là nhân viên lễ tân tại Công ty TNHH K, thu nhập hàng tháng là 10.000.000 đồng (có văn bản xác nhận). Như vậy, chị N đáp ứng được điều kiện về nơi ở và điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cũng như sự phát triển toàn diện của các con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết vấn đề này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có văn bản trình bày về tài sản vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479

của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao hai con chung là Đỗ Thị Thu O, sinh ngày 17/07/2008 và Đỗ Mạnh D, sinh ngày 18/11/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Đỗ Văn T cấp dưỡng cho con chung.

Anh Đỗ Văn T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai số 0000088 ngày 05/02/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Minh

Hoàng Thị Thu Hiền

Chu Tuấn Vương

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND tỉnh,
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình,
- Đương sự,
- UBND xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình,
- Lưu hồ sơ, HCTP.

Chu Tuấn Vương